ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2674 /QĐ-UBND	*Thái Bình, ngày 07 tháng 11 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh danh mục và khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1 cho các xã thuộc các huyện Đông Hưng, Thái Thụy và Vũ Thư.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 09/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2011-2015; số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh; số 19/2013/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 sửa đổi một số nội dung của Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 1411/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 về việc bổ sung một số nội dung về chủ trương hỗ trợ xi măng xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới tỉnh Thái Bình, năm 2014; số 1925/QĐ-UBND ngày 21/8/2014 về việc phê duyệt khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1, công trình nhóm 2 cho các xã thuộc các huyện: Hưng Hà, Đông Hưng, Vũ Thư và Kiến Xương; số 2389/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 về việc phê duyệt khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1, công trình nhóm 2 và công trình phụ trợ cho các xã, thị trấn thuộc các huyện Vũ Thư, Hưng Hà, Kiến Xương, Tiền Hải, Đông Hưng, Thái Thụy và thành phố Thái Bình; số 2390/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 về việc điều chỉnh danh mục và khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1, công trình nhóm 2 và công trình phụ trợ cho các xã, thị trấn thuộc các huyện Kiến Xương, Thái Thụy, Vũ Thư và Đông Hưng;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh tại Tờ trình số 93/TTr-VPĐP ngày 04/11/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh danh mục và khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1 cho các xã thuộc các huyện: Đông Hưng, Thái Thụy và Vũ Thư, cụ thể:

1. Huyện Đông Hưng:
   - Khối lượng xi măng điều chỉnh giảm: 460,8 tấn (01 xã);
   - Khối lượng xi măng điều chỉnh tăng: 460,5 tấn (02 xã);
2. Huyện Thái Thụy:
   - Khối lượng xi măng điều chỉnh giảm: 451,9 tấn (01 xã);
   - Khối lượng xi măng điều chỉnh tăng: 552,4 tấn (01 xã);

3. Huyện Vũ Thư:

- Khối lượng xi măng điều chỉnh giảm: 20,5 tấn (01 xã);
- Khối lượng xi măng điều chỉnh tăng: 36,8 tấn (01 xã);

(Có Phụ lục: 1, 2A, 2B, 3A, 3B, 4A, 4B chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1, các cấp, các sở, ngành, đơn vị có trách nhiệm:

- Sở Thông tin và Truyền thông thông báo danh mục và khối lượng xi măng điều chỉnh của các xã thuộc các huyện Đông Hưng, Thái Thụy và Vũ Thư trên Cổng thông tin Điện tử của tỉnh;

- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này;

- Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện Đông Hưng, Thái Thụy, Vũ Thư và doanh nghiệp cung ứng xi măng tổ chức giao, nhận xi măng cho các xã theo quyết định được duyệt;

- Ủy ban nhân dân các huyện Đông Hưng, Thái Thụy, Vũ Thư và Ủy ban nhân dân các xã: Thực hiện tiếp nhận, quản lý, sử dụng xi măng; thanh, quyết toán khối lượng xi măng được hỗ trợ, quản lý đầu tư xây dựng công trình đảm bảo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông và Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Chánh Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh; Giám đốc Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình; Các Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện: Đông Hưng, Thái Thụy, Vũ Thư; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Duyên Hà; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã có tên tại Điều 1; Giám đốc sở, Thủ trưởng ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới (Sở Nông nghiệp và PTNT);
- Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình;
- Cổng thông tin Điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NNTNMT, KHTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Ca

Phụ lục 1:
KHỐI LƯỢNG XI MĂNG ĐIỀU CHỈNH CỦA CÁC XÃ THUỘC CÁC HUYỆN: ĐÔNG HƯNG, THÁI THỤY VÀ VŨ THƯ
(Kèm theo Quyết định số 2674 /QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của UBND tỉnh).

STT	Huyện/xã	Khối lượng xi măng điều chỉnh (tấn)	
		Giảm	Tăng
I	**Đông Hưng (03 xã)**	**460,8**	**460,5**
1	Nguyên Xá	460,8	
2	Chương Dương		130,7
3	Hồng Giang		329,8
II	**Thái Thụy (01 xã)**	**451,9**	**552,4**
1	Thái Hưng	451,9	552,4
III	**Vũ Thư (01 xã)**	**20,5**	**36,8**
1	Phúc Thành	20,5	36,8

Phụ lục 2A:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH GIẢM LƯỢNG XI MĂNG HỖ TRỢ, HUYỆN ĐÔNG HƯNG

(Kèm theo Quyết định số 2614 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh).

STT	Danh mục công trình	Số Quyết định đã phê duyệt	Điều chỉnh giảm		
			Quy mô đầu tư (m, m2)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng (tấn)
	Tổng cộng (01 xã)				**460,8**
1	**Xã Nguyên Xá**				**460,8**
	Kênh cấp 1 loại 3		**3.011,0**		**460,8**
	Thôn Bắc lạng: Từ trạm bơm- ngã 5	Số 1925	532,0	***B>0,9m***	81,4
	Thôn Đề Quang: Từ ông Thoại-đồng Cao	Số 1925	550,0		84,2
	Thôn Hồng Phong: Từ cống ông Thấu- đồng Bái	Số 1925	420,0		64,3
	Thôn Đông Khê: Từ cầu ông Nho- kênh 7	Số 1925	500,0		76,5
	Thôn Đà Giang: Từ cống ông Tề- giáp Khuốc	Số 1925	521,0		79,7
	Thôn Trần Phú: Từ máng T0- Vành lược	Số 1925	488,0		74,7

Phụ lục 2B:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH TĂNG LƯỢNG XI MĂNG HỖ TRỢ, HUYỆN ĐÔNG HƯNG

(Kèm theo Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh).

STT	Danh mục công trình	Điều chỉnh tăng		
		Quy mô đầu tư (m, m2)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng (tấn)
	Tổng cộng (02 xã)			**460,5**
1	**Xã Chương Dương**			**130,7**
*	**Đường giao thông trục thôn**			**130,7**
	Từ cầu Số- gốc Gạo	667	***Bm 3,5m; BT M200; dày 16cm***	130,7
2	**Xã Hồng Giang**			**329,8**
*	**Đường giao thông nội đồng**	**1.700**		**329,8**
	Đoạn 1 từ đường ĐH 48 B- ông Chiến	1.700	***Bm 3,5m;BT M200;dày 14cm, dưới mặt ruộng có móng rộng 0,22m, cao 0,2m, tường trên mặt ruộng dày 0,11m, cao 0,14m***	329,8

Phụ lục 3A:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH GIẢM LƯỢNG XI MĂNG HỖ TRỢ XÃ THÁI HƯNG, HUYỆN THÁI THỤY

(Kèm theo Quyết định số 2674 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh).

STT	Danh mục công trình	Số Quyết định đã được phê duyệt	Điều chỉnh giảm		
			Quy mô đầu tư (m,m2)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng (tấn)
1	**Xã Thái Hưng**				**451,9**
*	**Đường giao thông nội đồng trục chính**	QĐ 2389	**2.329**		**451,9**
	Từ đường đá đến máng cứng miếu Túc		150	***Bm 3,5m;BTM 200; dày 14cm; dưới mặt ruộng có móng rộng 0,22m, cao 0,2m, tường trên mặt ruộng dày 0,11m, cao 0,14m***	29,1
	Từ ông Ngoạn đến máng bơm thuyền		220		42,7
	Từ cầu đồng Chăm đến cầu Đồng Mới		320		62,1
	Từ đường đá đến máng Tây ông Y		107		20,8
	Từ đường ông Thu đến sông Tam Kỳ		377		73,1
	Từ trạm bơm đến miếu Túc		1.155		224,1

Phụ lục 3B:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH TĂNG LƯỢNG XI MĂNG HỖ TRỢ XÃ THÁI HƯNG, HUYỆN THÁI THỤY

(Kèm theo Quyết định số 2674 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh).

STT	Danh mục công trình	Điều chỉnh tăng		
		Quy mô đầu tư (m,m2)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng (tấn)
1	**Xã Thái Hưng**			**552,4**
*	**Đường giao thông nội đồng trục chính**	**2.848**		**552,4**
	Từ Đông ông Thu đến đầu mả	785	***Bm 3,5m;BTM 200; dày 14cm; dưới mặt ruộng có móng rộng 0,22m, cao 0,2m, tường trên mặt ruộng dày 0,11m, cao 0,14m***	152,3
	Từ trạm bơm đến Tây ngõ ông Thu	370		71,8
	Từ đường đá đến máng cứng Đông ông Thu	142		27,5
	Từ Đông ông Ngoạn đến máng cứng	110		21,3
	Từ đường 65 đến cống bà Thoa	468		90,8
	Từ đường đá đến miếu Túc	110		21,3
	Từ trạm bơm đến sông Tam Kỳ	483		93,7
	Từ đường đá đến máng	150		29,1
	Từ cầu đồng Chảm đến cầu đồng mới	230		44,6

Phụ lục 4A:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH GIẢM LƯỢNG XI MĂNG HỖ TRỢ XÃ PHÚC THÀNH, HUYỆN VŨ THƯ

(Kèm theo Quyết định số 2674 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh).

STT	Danh mục công trình	Số Quyết định đã được phê duyệt	Điều chỉnh giảm		
			Quy mô đầu tư (m,m2)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng (tấn)
1	**Xã Phúc Thành**				**20,5**
*	**Đường nhánh cấp 1 giao thông trục thôn**				**20,5**
	Đường nhà Giang Nhung	QĐ 2390	167,0	***Bm 2,5m; BT M200; dày 14cm***	20,5

Phụ lục 4B:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH TĂNG LƯỢNG XI MĂNG HỖ TRỢ XÃ PHÚC THÀNH, HUYỆN VŨ THƯ

(Kèm theo Quyết định số: 2674 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh).

STT	Danh mục công trình	Điều chỉnh tăng		
		Quy mô đầu tư (m,m2)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng (tấn)
1	**Xã Phúc Thành**			**36,8**
*	**Đường giao thông trục thôn**			**36,8**
	Đường nhà Giang Nhung	219,0	***Bm 3,0m; BT M200; dày 16cm***	36,8

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh

Thời gian ký số:
07/11/2014 14:39:00